TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Hồng Hà.

2. Ông Dương Văn Ngạn.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (Có mặt).

ĐKHK và nơi cư trú: Thôn PH, xã CH, huyện CG, tỉnh HD.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

ĐKHK và nơi cư trú: Thôn PH, xã CH, huyện CG, tỉnh HD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày14/02/2001 tại UBND xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng, không tìm được tiếng

nói chung trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã nhau. Anh Đ không làm đúng trách nhiệm của người chồng, người cha; không quan tâm chăm lo đến gia đình vợ con, ham chơi bời, không chịu khó làm ăn vun vén cho gia đình mà thường xuyên đi chơi qua đêm, thậm chí nhiều ngày không về; một mình chị phải gánh vác mọi việc trong gia đình. Hơn nữa, anh Đ chơi bời nợ nần làm cho kinh tế gia đình khó khăn, chị đã nhiều lần cho anh cơ hội sửa chữa và trả nợ thay anh nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, bỏ bê gia đình, thậm chí có lần vợ chồng xích mích anh Đ còn dùng bạo lực đuổi chị ra khỏi nhà. Cuộc sống gia đình trở lên căng thẳng mệt mỏi, không có hạnh phúc. Vì nghĩ thương các con nên chị lại cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng. Năm 2015, chị vay mượn tiền của những người thân trong gia đình làm thủ tục cho anh đi lao động tại Đài Loan để hi vọng anh Đ thay đổi, tu chí làm ăn; nhưng từ khi anh Đ đi không quan tâm gì đến vợ con, không gửi tiền để chị chăm lo cho các con. Đến tháng 6-2019 anh về nước nhưng không thông báo cho chị biết, cũng không về chung sống cùng mẹ con chị mà về ở cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh ở thôn PH, xã CH, huyện CG, tỉnh HD. Đến nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng anh Đ được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 10/02/2002 và Trần Duy M, sinh ngày 04/5/2013; hiện đang ở cùng chị. Nguyện vọng của chị được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng con chung cùng chị; bởi thực tế từ trước đến nay việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con đều do một mình chị thực hiện, anh Đ không có trách nhiệm, không quan tâm gì đến các con. Hiện chị đang làm việc tại công ty VSM Nhật Bản - Khu công nghiệp Tân Trường, thu nhập hàng tháng khoảng từ 6.000.000đồng đến 7.000.000đồng, có chỗ ở ổn định là nhà, đất của vợ chồng nên đủ điều kiện để chăm sóc con chung được phát triển một cách tốt nhất.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Trần Văn Q trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị H.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo cho anh Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt

không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và không có ý kiến văn bản gì. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của những người thân trong gia đình anh Đ đều khẳng định: Tại thời điểm này anh Đ vẫn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn PH, xã CH, huyện CG, tỉnh HD. Sau khi đi nước ngoài về, anh Đ về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ một thời gian rồi đi làm ăn nay đây mai đó thỉnh thoảng có về nhà, anh không cho gia đình, chính quyền địa phương biết địa chỉ cụ thể nên gia đình và chính quyền không nắm được.

Đại diện gia đình anh Đ trình bày: Anh Đ và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Hoàng. Trong cuộc sống, anh Đ không quan tâm chăm lo cho gia đình mà ham chơi bời dẫn đến nợ nần, gia đình và chị H đã nhiều lần phải trả nợ thay cho anh. Khi còn sống chung anh chị thỉnh thoảng lại đánh cãi chửi nhau. Gia đình đã khuyên bảo anh nhiều lần nhưng không được. Trong cuộc sống, chị H cũng sống hết lòng vì gia đình, gánh vác mọi việc trong gia đình nhưng anh Đ không biết trân trọng dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng mệt mỏi, không đem lại hạnh phúc. Khi đi làm từ nước ngoài về, gia đình cũng không thấy anh về cùng chị H vun vén cho gia đình, con cái.

Đại diện gia đình chị H trình bày: Vợ chồng anh Đ, chị H được tự tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn giữa chị H, anh Đ là do anh Đ sống vô trách nhiệm, thường xuyên đi chơi bời, rượu chè, không chịu khó làm ăn; mỗi lần uống rượu say về lại chửi bới đánh đập vợ con. Gia đình cũng đã khuyên giải vợ chồng nhưng mâu thuẫn không được tháo gỡ. Nay chị H xin ly hôn anh Đ gia đình tôn trọng quyết định của chị H. Về quan hệ con chung, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi thành niên vì từ trước đến nay con chung đều do một mình chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đ không có trách nhiệm gì với các con.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thì thấy: Chị H và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào năm 2001, anh chị đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Phượng Hoàng, xã Cẩm Hoàng. Qua theo dõi thực tế tại địa phương anh Đ là người không chịu khó làm ăn, ham chơi bời

rượu chè. Nay được biết chị H làm đơn xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

+ Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 10/02/2002 và Trần Duy M, sinh ngày 04/5/2013 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung, xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia

đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn Đ là bị đơn có nơi cư trú tại thôn PH, xã CH, huyện CG, tỉnh HD; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như triệu tập hợp lệ anh Đ, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Đ đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương thì được biết anh Đ đi làm ăn nay đây mai đó, không thông báo cho gia đình, chính quyền địa phương biết địa chỉ cụ thể.Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trường hợp của anh Đ được xác định là cố tình giấu địa chỉ nên HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Hoàng vào năm 2001. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không có trách nhiệm với gia đình vợ con, thường xuyên chơi bời rượu chè, nợ nần khiến cuộc sống gia đình căng thẳng mệt mỏi, không có hạnh phúc, vợ chồng thường xảy ra xích mích cãi vã nhau. Lời trình bầy về mâu thuẫn vợ chồng của chị H phù hợp với lời trình bầy của hai bên gia đình và đại diện chính quyền địa phương. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận giải quyết cho chị H được ly hôn anh Đ.

- Về quan hệ con chung: Chị H và anh Đ có hai con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 10/02/2002 và Trần Duy M, sinh ngày 04/5/2013. Xét điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung, việc chăm lo cho các con chung từ trước đến nay đều do một mình chị thực hiện. Chị H có chỗ ở, công việc thu nhập ổn

định, có thời gian chăm lo cho con chung, hơn nữa hai con chung đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn phát triển bình thường và để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của các con chung vì vậy, HĐXX chấp nhận giao hai con cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nuôi dưỡng hai con chung đến khi hai con chung thành niên là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Nguyên đơn chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Sau khi ly hôn, giao hai con chung Trần Văn Q, sinh ngày 10/02/2002 và Trần Duy M, sinh ngày 04/5/2013 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2017/0007498 ngày 26-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. Chị Nguyễn Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu Hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm giàng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân Hà